

TÂM NHÌN PHÁT TRIỂN TRONG KỶ NGUYÊN SỐ CỦA VIỆT NAM

★ GS, TS. TRẦN VĂN PHÒNG

Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, Nguyên Viện trưởng, Viện Triết học,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Trên cơ sở phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về tầm nhìn, phát triển, kỷ nguyên số, tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số của Việt Nam, bài viết đề xuất một số giải pháp thực hiện tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số của Việt Nam, bao gồm: Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực số; Đổi mới giáo dục, đào tạo và dạy nghề; Phát huy vai trò, sức mạnh của cả dân tộc, nhất là đội ngũ doanh nhân Việt Nam; Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện tầm nhìn phát triển của quốc gia trong kỷ nguyên số.

● **Từ khóa:** Tầm nhìn; phát triển; kỷ nguyên số; tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số của Việt Nam.

Đặt vấn đề

Chúng ta đều rõ, kỷ nguyên là thời kỳ lịch sử mở đầu bằng một sự kiện trọng đại, có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển về sau của xã hội hay của một lĩnh vực nào đó⁽¹⁾. Do đó, mỗi kỷ nguyên luôn đặt ra cho quốc gia, dân tộc một tầm nhìn phát triển mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Chẳng hạn, kỷ nguyên độc lập, tự do, đi lên chủ nghĩa xã hội (1930 - 1975), đặt ra yêu cầu là Việt Nam phải xóa bỏ chế độ áp bức, bóc lột của phong kiến, thực dân, phát triển thành một quốc gia độc lập, tự chủ, đi lên chủ nghĩa xã hội. Kỷ nguyên hòa bình, thống nhất, độc lập, đổi mới và phát triển (1976 đến nay), đặt ra yêu cầu là Việt Nam phải đổi mới toàn diện đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao uy tín, vị thế quốc tế, phát triển để thoát khỏi đói, nghèo,

lạc hậu. Còn kỷ nguyên mới, kỷ nguyên số của dân tộc (từ 2026 đến giữa thế kỷ XXI) đặt ra yêu cầu là Việt Nam phải đạt mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên phát triển mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao”⁽²⁾.

1. Một số vấn đề lý luận chung về tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số

Trong tiếng Việt, “tầm nhìn” thường được sử dụng để chỉ ra giới hạn của khả năng quan sát, đồng thời cũng là một biểu tượng cho những khát vọng và mục tiêu mà con người hướng đến. Nhìn chung, mọi người đều thống nhất tầm nhìn

chính là sự suy nghĩ và hoạch định về bức tranh toàn cảnh của tương lai, phác thảo định hướng con đường để đạt mục tiêu. Nói tới tầm nhìn là nói tới tầm nhìn xa, trông rộng về đối tượng ấy. Xa ở đây là xa về thời gian, 10 năm, 20 năm và xa hơn nữa,... Rộng ở đây là về không gian, có thể là một địa phương, một quốc gia, một thời đại; một lớp sự vật, hiện tượng (đối tượng tư duy mang tính phổ biến, tính khái quát, không thể mang tính riêng lẻ, cá biệt). Xa và rộng ở đây bao hàm cả không gian và thời gian vận động, phát triển của sự vật, của thực tiễn. Tầm nhìn xa của tư duy thể hiện là tư duy bao quát đúng quá khứ của sự vật, hiện tượng, thực tiễn, “hiểu đúng” được quy luật vận động hiện tại của chúng và trên cơ sở đó dự báo đúng và trúng xu hướng vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng, của thực tiễn trong tương lai.

Phát triển cũng có nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhưng nhìn chung đều thống nhất đó là sự vận động đi lên, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn, từ chưa đầy đủ đến đầy đủ hơn của các sự vật, hiện tượng, quá trình,... so với hiện tại.

Như vậy, có thể hiểu tầm nhìn phát triển là sự suy nghĩ và hoạch định một kế hoạch thể hiện mục tiêu dài hạn cao hơn, đầy đủ hơn, toàn diện hơn,... hiện tại của một cá nhân, tập thể, tổ chức hay một quốc gia, dân tộc muốn đạt được trong tương lai. Do vậy, tầm nhìn phát triển luôn gắn với mục tiêu. Mục tiêu là một ý tưởng của tương lai, hoặc kết quả mong muốn của một người hay một nhóm người, tập đoàn xã hội, giai cấp, đảng phái, quốc gia, dân tộc đã hình dung ra, lên kế hoạch và cam kết để đạt được.

Một tầm nhìn phát triển muốn dẫn đến thành công phải bao gồm các khía cạnh: (i) Làm rõ được vị thế của cá nhân, tổ chức, quốc gia, dân tộc trong tương lai 10, 15, 20 năm và xa hơn nữa; (ii) Phác thảo được “bức tranh” mới trong

tương lai của cá nhân, tổ chức, quốc gia, dân tộc trên tất cả các mặt kinh tế - xã hội; y tế, giáo dục, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,...; (iii) Xác định được hướng đi đúng đắn và lộ trình thực hiện để đạt mục tiêu; (iv) Gây được hứng khởi và được chia sẻ bởi tất cả các thành viên của tổ chức hay tất cả các tầng lớp nhân dân để đạt đến mục tiêu; (v) Kiểm soát được tất cả các quá trình này.

Kỷ nguyên số là kỷ nguyên kỹ thuật số, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo (AI) trở thành cốt lõi trong mọi lĩnh vực, làm xuất hiện nhiều dạng thức mới trong đời sống xã hội của thế giới đương đại, như: đời sống số, tri thức số, văn hóa số, chính phủ số, đô thị số, công dân số. Kỷ nguyên số được cấu thành bởi kinh tế số và xã hội số là cốt lõi nhất. Đó là hai yếu tố có quan hệ mật thiết, tương tác lẫn nhau cùng nâng tầm phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc và cả nhân loại nói chung.

Kỷ nguyên số có những đặc điểm nổi bật: (i) Tự động hóa và kết nối: các hệ thống và thiết bị có khả năng tự động hóa cao, kết nối và trao đổi dữ liệu liên tục qua Internet; (ii) Trí tuệ nhân tạo: AI được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như sản xuất, dịch vụ, y tế, và giáo dục,... (iii) Dữ liệu lớn (Big data) giúp thu thập, phân tích và sử dụng khối lượng dữ liệu khổng lồ để đưa ra quyết định chính xác và nhanh chóng; (iv) In 3D: công nghệ in 3D tạo ra những sản phẩm từ các vật liệu khác nhau, mở ra khả năng sản xuất linh hoạt và sáng tạo. Do vậy, kỷ nguyên số là kỷ nguyên chuyển đổi từ ngành công nghiệp truyền thống mà ba cuộc Cách mạng Công nghiệp trước đây đã mang lại thông qua công nghiệp hóa, sang giai đoạn công nghệ số trở thành nhân tố quan trọng của lực lượng sản xuất; đồng thời, xác lập một phương thức sản xuất mới, tiên tiến, hiện đại, tạo động lực mới cho sự phát triển.

Từ phân tích trên cho thấy, tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số là một sự suy nghĩ và hoạch định kế hoạch phát triển nhanh về mọi mặt của quốc gia, dân tộc trên nền tảng số, trước hết là kinh tế số và xã hội số với những mục tiêu cụ thể, nhất là mục tiêu phát triển nhanh và bền vững về kinh tế - xã hội. Với Việt Nam, tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số được Đại hội XIII của Đảng xác định: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc *Đổi mới*, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽³⁾. Trên cơ sở đó, Đại hội XIII đề ra tầm nhìn phát triển cho hai giai đoạn cụ thể với hai mục tiêu 100 năm rất rõ: “Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao”⁽⁴⁾; và “Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao”⁽⁵⁾. Như vậy, tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số của Việt Nam là thực hiện thành công hai mục tiêu 100 năm mà Đại hội Đảng XIII của Đảng đã đề ra.

2. Định hướng giải pháp thực hiện tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số của Việt Nam

Như trên, chúng ta đã rõ tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số của Việt Nam là đến năm

2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao (theo Ngân hàng Thế giới, dao động từ 4.036 USD đến 12.536 USD/người/năm); đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao (theo Ngân hàng Thế giới, từ 12.696 USD/người/năm). Để thực hiện được tầm nhìn phát triển này cần thực hiện một số giải pháp định hướng sau:

(1) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Nghị quyết số 57-NQ/TU ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị khóa XIII về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nhấn mạnh và chỉ rõ đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc. Bởi lẽ, trong kỷ nguyên mới này, chỉ có phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia mới là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên số. Chúng ta đều rõ nếu chỉ dựa vào tài nguyên thiên nhiên, vào nguồn nhân công giá rẻ, vào những lợi thế cạnh tranh về mức sống thì không thể có bứt phá trong phát triển. Đất nước có thể không đói nhưng không thể giàu được và như vậy nguy cơ tụt hậu càng cao. Chỉ có dựa vào khoa học, công nghệ vào đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia mới tạo cơ hội, điều kiện để phát triển bứt phá nhanh, hiệu quả. Muốn vậy phải thực

hiện đồng bộ nhiều giải pháp: nâng cao nhận thức, đột phá về tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số⁽⁶⁾...

(2) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực số

Chúng ta đều rõ, để có thể đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia thành công thì cần nhiều giải pháp đồng bộ. Trong đó, giải pháp về nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực số đóng vai trò quyết định. Bởi chính con người quyết định sự phát triển của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chứ không phải ngược lại. Tất nhiên, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia cũng có tác động trở lại tới đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đại hội XIII của Đảng, tiếp tục tinh thần các Đại hội trước đề ra ba đột phá chiến lược, trong đó có đột phá chiến lược về nguồn nhân lực: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển

mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽⁷⁾. Điều này hoàn toàn tương thích với mục đích về phát triển nguồn nhân lực mà Đại hội XIII đã đề ra “Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người”⁽⁸⁾.

Nguồn nhân lực số là lực lượng lao động kỹ thuật chuyên nghiệp, trực tiếp thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, điện tử viễn thông, an toàn thông tin mạng để phục vụ hoạt động công nghệ số⁽⁹⁾. Thực tế cho thấy, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực số - về công nghệ thông tin, về nền tảng số, dữ liệu số, về an toàn, bảo mật, về an ninh mạng,... hiện nay ở Việt Nam rất lớn. Nếu tính đến năm 2023, thì lực lượng lao động ở nước ta đã qua đào tạo, có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 14,1 triệu người, chiếm 27% dân số⁽¹⁰⁾. Đồng thời, chỉ số vốn nhân lực (HCI) và chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam không ngừng tăng qua các năm. Giai đoạn 2010 - 2020, HCI của Việt Nam tăng từ 0,66 lên 0,69⁽¹¹⁾. Chỉ số HDI năm 2023 đạt 0,766 - đứng thứ 93 trên tổng số 193 quốc gia và vùng lãnh thổ. Giai đoạn 1990 - 2023, chỉ số HDI của Việt Nam đã tăng từ 0,499 lên 0,766, tăng

53,5%; tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng 5,56 tuổi; tổng thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người tăng 475,7%⁽¹²⁾. Điều này cũng cho thấy nguồn nhân lực của Việt Nam nói chung đã được nâng lên so với trước kia.

Tuy nhiên, trong tổng số nguồn nhân lực số của Việt Nam với khoảng 1,2 triệu lao động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, nhưng nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên chỉ khoảng 550.000 người. Như vậy, trong cơ cấu nguồn nhân lực, tỷ lệ nhân lực số trên tổng lao động của nền kinh tế Việt Nam chỉ đạt hơn 1%. Đây là tỷ lệ tương đối thấp so với các quốc gia, như: Mỹ (4%), Hàn Quốc (2,5%), Ấn Độ (1,78%)⁽¹³⁾, chưa kể là còn hạn chế về mặt chất lượng. Do vậy, để phát triển đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia cần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực số chất lượng cao. Muốn phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực số cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, như: nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, nhất là dạy nghề; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực toàn diện, nhất là nguồn nhân lực số; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực số; đầu tư cho đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực,... Thực hiện tốt mục tiêu Nghị quyết số 71-NQ/TU ngày 22/8/2025: “Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp được sắp xếp phù hợp và đầu tư nâng cấp; phấn đấu 100% cơ sở giáo dục đại học và ít nhất 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia, 20% cơ sở được đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á. Tỷ lệ người trong

độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 50%. Tỷ lệ người lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên đạt 24%. Tỷ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ đạt ít nhất 35%, trong đó có ít nhất 6.000 nghiên cứu sinh, 20.000 người học các chương trình tài năng. Chỉ số vốn con người và nghiên cứu đóng góp vào chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) ngang bằng các nước có thu nhập trung bình cao”⁽¹⁴⁾.

(3) Đổi mới giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Giáo dục, đào tạo và dạy nghề phải hướng tới đào tạo người lao động, nguồn nhân lực sẵn sàng cho phương thức sản xuất số, quản trị số, xã hội số, trang bị cho người lao động kỹ năng phân tích dữ liệu, lập trình và quản trị công nghệ số. Người lao động trong kỷ nguyên số phải có kỹ năng kết hợp, lao động sáng tạo cùng AI, kiểm soát các quá trình sản xuất số, có kỹ năng hợp tác lao động trong điều kiện đa văn hóa, đa tôn giáo, đặc biệt có kỹ năng bảo mật, an ninh, an toàn trong môi trường số. Cùng với đổi mới căn bản giáo dục, đào tạo thì dạy nghề cũng cần được đầu tư, phát triển để chuẩn bị cho sự thích nghi với phương thức sản xuất số. Dạy nghề phải trao truyền cho người lao động kỹ năng chuyển mạnh từ sử dụng các nguồn lực hữu hình trong tư liệu sản xuất sang sử dụng sáng tạo các nguồn lực vô hình là tri thức, trí tuệ, sáng tạo, đổi mới của loài người, trí tuệ của con người, trí tuệ nhân tạo, công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghệ kỹ thuật số, Internet vạn vật, thông tin, dữ liệu lớn (Big data), bằng sáng chế, phát minh, giải pháp công nghệ, bản quyền, thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, lợi thế thương mại, uy tín trên thương trường... Các nguồn lực vô hình ngày càng chiếm vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng, thậm chí giữ vai trò quyết định trong nền kinh tế số của kỷ nguyên số. Do vậy, phải

đầu tư và đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy nghề mới có thể đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực số chất lượng cao đáp ứng yêu cầu thực hiện tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số của dân tộc.

Đại hội XIII của Đảng đề ra nhiệm vụ “Phấn đấu đưa nước ta trở thành một quốc gia mạnh về giáo dục và đào tạo ở khu vực, bắt kịp với trình độ tiên tiến của thế giới, tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc tế”⁽¹⁵⁾. Để thực hiện được mục tiêu này cần: “Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước”⁽¹⁶⁾. “Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư”⁽¹⁷⁾,...

(4) Phát huy vai trò, sức mạnh của cả dân tộc, nhất là đội ngũ doanh nhân Việt Nam

Chúng ta đều rõ một tầm nhìn phát triển để có thể thực hiện được phải đáp ứng một số yêu cầu, trong đó có yêu cầu gây được hứng khởi và được chia sẻ bởi tất cả các thành viên của tổ chức hay tất cả các tầng lớp nhân dân để đạt đến mục tiêu. Nghĩa là, để thực hiện tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số của dân tộc Việt Nam, chúng ta phải phát huy được tính tích cực chủ động, sáng tạo, sức mạnh của toàn thể dân tộc, tất cả các tầng lớp nhân dân, trong đó có đội ngũ doanh nhân vì chính họ là người trực tiếp liên quan tới thực hiện hai mục tiêu 100 năm của dân tộc. Không phải ngẫu nhiên mà Đại hội XIII của Đảng lại đề ra quan điểm: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn

vinh, hạnh phúc”⁽¹⁸⁾ và chủ trương “Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”⁽¹⁹⁾. Muốn thực hiện có hiệu quả tầm nhìn phát triển của dân tộc trong kỷ nguyên số phải dựa vào dân; tin vào sức mạnh phi thường của quần chúng nhân dân. Bởi lẽ, thiếu sức mạnh của toàn thể nhân dân, thiếu sự quyết tâm của tất cả nhân dân, không có sự ủng hộ, tham gia của nhân dân chúng ta không thể làm được gì chứ chưa nói đến thực hiện tầm nhìn phát triển. Có thể nói, sự đồng lòng của nhân dân là điều kiện tiên quyết để phát huy có hiệu quả tầm nhìn phát triển của dân tộc trong kỷ nguyên số.

Đồng thời, phải phát huy được vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam vì chính họ là những người trực tiếp thực hiện tầm nhìn phát triển về kinh tế số. Không phải ngẫu nhiên mà Đại hội XIII của Đảng lại đề ra nhiệm vụ “Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng và chất lượng, có tinh thần cống hiến cho dân tộc, có chuẩn mực văn hóa, đạo đức tiên bộ và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi. Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho doanh nhân khởi nghiệp sáng tạo, kinh doanh lành mạnh, cống hiến tài năng. Khuyến khích doanh nhân thực hiện trách nhiệm xã hội và tham gia phát triển xã hội”⁽²⁰⁾. Hiện nay, riêng khu vực kinh tế tư nhân có khoảng hơn 940 nghìn doanh nghiệp và hơn 5 triệu hộ kinh doanh đang hoạt động, đóng góp khoảng 50% GDP, hơn 30% tổng thu ngân sách nhà nước và sử dụng khoảng 82% tổng số lao động vào tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm⁽²¹⁾. Đây là lực lượng quan trọng, tiên phong thúc

đẩy tăng trưởng kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái cấu trúc nền kinh tế, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng, thực hiện thành công tầm nhìn phát triển của đất nước. Quán triệt tốt quan điểm Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân: “tôn trọng doanh nghiệp, doanh nhân, xác định doanh nhân là người chiến sĩ trên mặt trận kinh tế; bảo đảm đầy đủ quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng, được tự do kinh doanh các ngành nghề pháp luật không cấm; tạo dựng, củng cố niềm tin giữa Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và doanh nhân; bảo đảm kinh tế tư nhân cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trong tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là vốn, đất đai, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực hợp pháp khác của đất nước theo quy định của pháp luật”⁽²²⁾. Do vậy, phải bằng mọi biện pháp phát huy vai trò của các doanh nghiệp, doanh nhân trong thực hiện tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số của đất nước.

(5) Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện tầm nhìn phát triển của quốc gia trong kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế sâu rộng

Nghị quyết số 66-NQ/TU ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã nêu rõ: cùng với những thành tựu thì công tác xây dựng và thi hành pháp luật còn nhiều hạn chế, bất cập: “Chất lượng pháp luật chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Còn có những quy định

chồng chéo, mâu thuẫn, chưa rõ ràng, cản trở việc thực thi, không thuận lợi cho việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thu hút và khơi thông nguồn lực đầu tư. Việc phân cấp, phân quyền chưa đủ mạnh; thủ tục hành chính còn rườm rà. Tổ chức thực thi pháp luật vẫn là khâu yếu; thiếu cơ chế phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả. Chậm nghiên cứu, ban hành chính sách, pháp luật điều chỉnh những vấn đề mới, chưa tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi để thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới”⁽²³⁾.

Xuất phát từ thực tế như vậy mà Đảng ta đã đề ra 5 quan điểm chỉ đạo, trong đó có “Công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; là một nhiệm vụ trọng tâm của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng”⁽²⁴⁾. Trên tinh thần của Nghị quyết số 66-NQ/TU, ngày 30/4/2025, chúng ta phải tổ chức xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện tầm nhìn phát triển của quốc gia trong kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế. Phải rà soát cơ chế, pháp luật hiện có, trên cơ sở đó xem những cơ chế nào, pháp luật nào còn phù hợp, những nội dung nào đã bị thực tiễn vượt qua, những nội dung nào phải bổ sung ngay, nhất là những luật liên quan đến tài sản số, đặc biệt là các tài sản liên quan đến Blockchain như Token và tiền mã hóa; dữ liệu số xuyên biên giới; quyền sở hữu dữ liệu; sở hữu Big data (dữ liệu lớn), Blockchain (công nghệ chuỗi khối), thực tế ảo (VR), tương tác thực tại - ảo (AR), mạng xã hội, phân tích dữ liệu lớn (SMAC),... bảo mật và an ninh mạng cần được ban hành để tạo niềm tin và khuyến khích doanh nghiệp tham gia chuyển đổi số.

Cần xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp lý về đạo đức AI, quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm AI,... Trên cơ sở này mới tạo được môi trường pháp lý, cơ chế thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân và nhân dân thực hiện tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số.

Kết luận

Phân tích trên đây cho thấy tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số của Việt Nam về cơ bản là thực hiện hai mục tiêu 100 năm. Để thực hiện hiệu quả, thiết thực tầm nhìn phát triển trong kỷ nguyên số này cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp ❖

- (1) Hoàng Phê (Chủ biên) (2021), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, tr.656.
- (2) Tô Lâm (2024), “*Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới*”, trong: Báo Nhân dân, số 25193, ngày 01/11/2024, tr.2.
- (3), (4), (5), (7), (8), (15), (16), (17), (18), (19), (20) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I; Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật; Hà Nội, tr.112, tr.112, tr.112, tr.203-204, tr.231, tr.140, tr.136, tr.136, tr.215, tr.116, tr.168.
- (6) Ban Chấp hành Trung ương (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2022 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, tại: <https://thuvienphapluat.vn>, truy cập ngày 20/4/2025.
- (9) Nguyễn Thành Chung (2023), “*Vai trò của nguồn nhân lực số trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia ở Việt Nam hiện nay*”, trong: Tạp chí Thông tin và Truyền thông, số 7 (tháng 7/2023), trang 32-37.
- (10) Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2023), “*Thông cáo báo chí về tình hình dân số, lao động việc làm quý IV và năm 2023*”, ngày 29/12/2023, tại: <https://www.nso.gov.vn>, truy cập ngày 20/4/2025.
- (11) Ninh Thị Hoàng Lan (2022), “*Giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh nền kinh tế số tại Việt Nam*”, trong: Tạp chí Công thương điện tử, ngày 06/6/2022, tại: <https://tapchicongthuong.vn>, truy cập ngày 20/4/2025.
- (12) Trung Hưng (2025), “*Việt Nam thuộc nhóm các quốc gia có mức phát triển con người cao*”, trong: Báo Nhân dân điện tử, ngày 13/5/2025, tại: <https://nhandan.vn>, truy cập ngày 15/5/2025.
- (13) Hoàng Hà (2023), “*Nhân lực công nghệ thông tin Việt Nam chỉ chiếm 1,1% tổng số lao động, doanh nghiệp phải “xoay xó” như thế nào?*”, trong: VnEconomy, ngày 01/6/2023, tại: <https://vneconomy.vn>, truy cập ngày 20/4/2025.
- (14) Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, tại: <https://thuvienphapluat.vn>, truy cập ngày 10/5/2025.
- (21), (22) Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân*, tại: <https://baochinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-68-nq-tw-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-102250505122337909.htm>, truy cập ngày 10/5/2025.
- (23), (24) Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, tại: <https://thuvienphapluat.vn>, truy cập ngày 10/5/2025.